BỘ NỘI VỤ

CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ, ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

PAR INDEX 2023

2023 | PAR INDEX

KẾT QUẢ CHỈ SỐ CCHC CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ

Kết quả, xếp hạng

PAR INDEX 2023
các Bộ

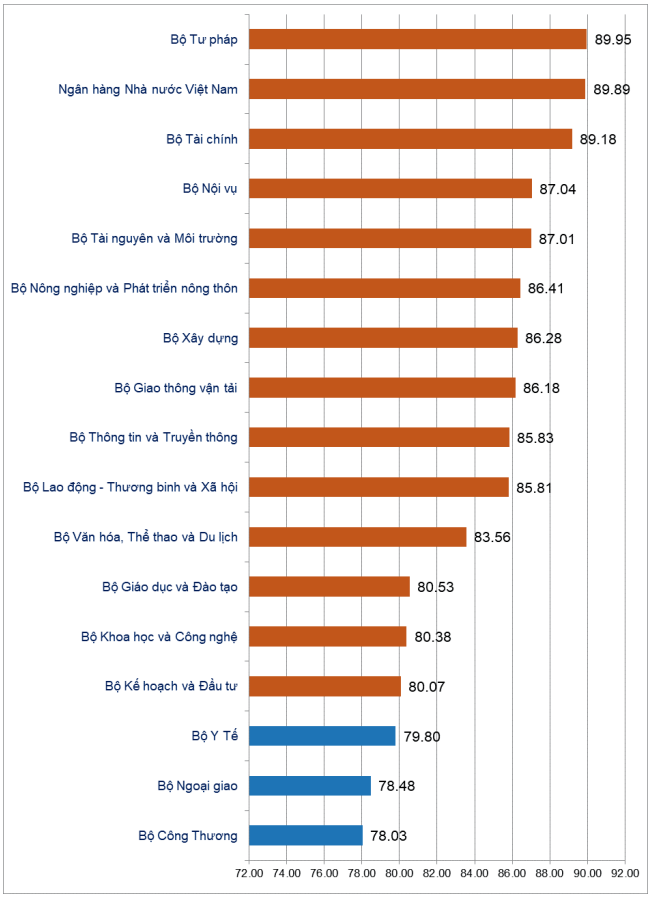

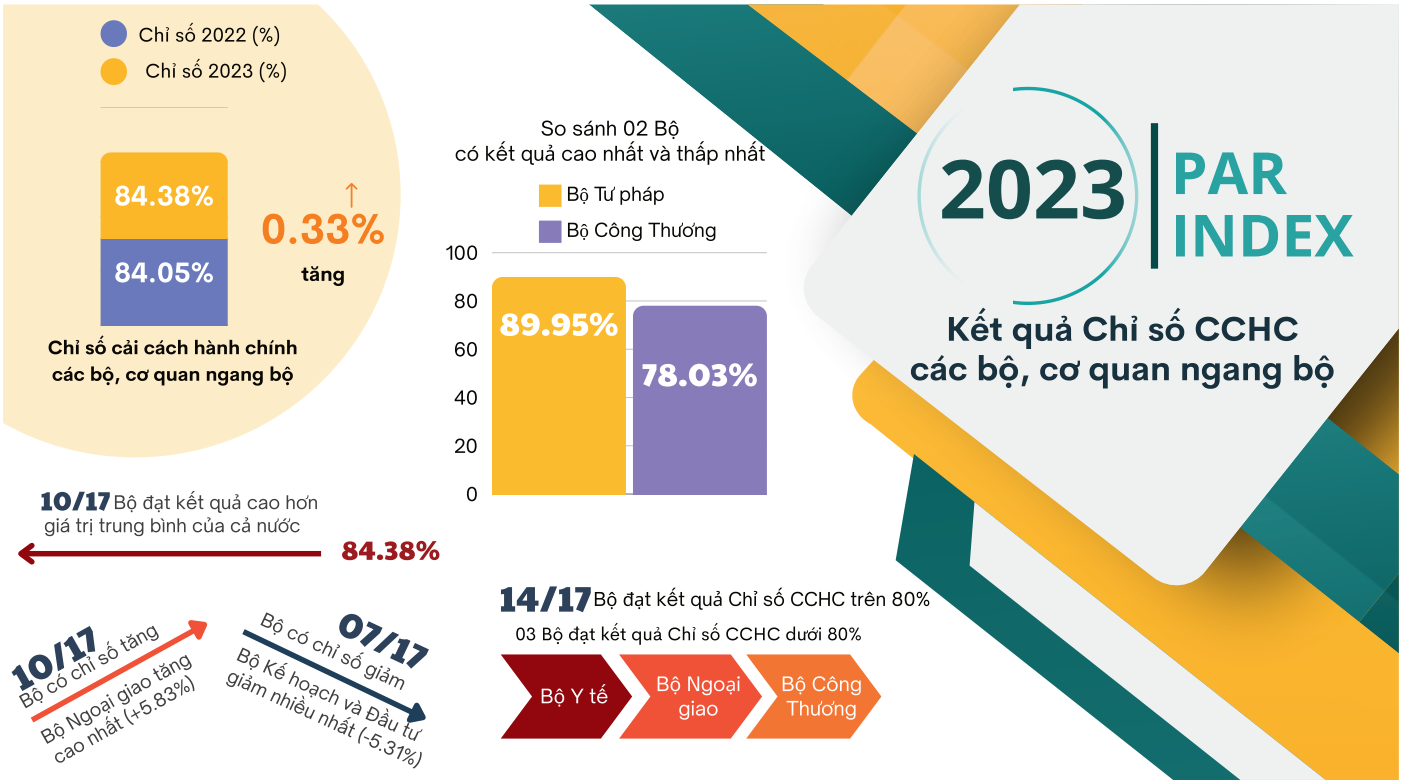

1 Công tác chỉ đạo điều hành

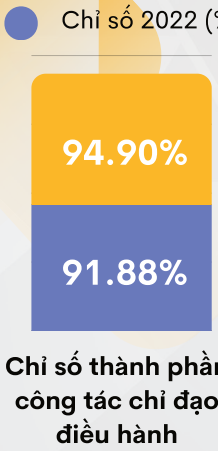

Chỉ số thành phần công tác chỉ đạo điều hành

↑ **3.01%**

Tăng

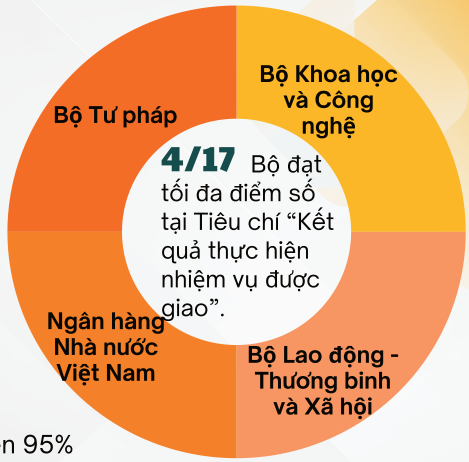

9/17 Bộ đạt Chỉ số thành phần trên 95%

01 Bộ đạt Chỉ số thành phần dưới 90% (Bộ Ngoại giao đạt 87.95%).

Chỉ số thành phần

"Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC" các Bộ năm 2023

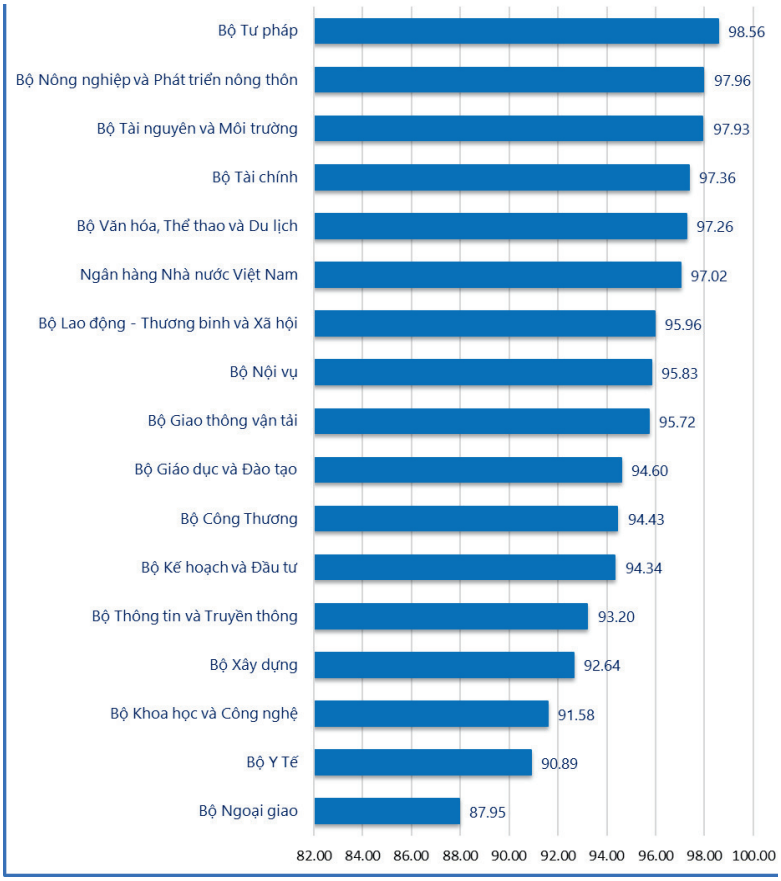

2 Cải cách thể chế

Chỉ số 2023 (%)

Chỉ số 2022 (%)

78.96%

79.55%

Chỉ số thành phần Cải cách thể chế

↓ **-0.59%** giảm

14/17

Bộ không đạt điểm tối đa tại tiêu chí "Đánh giá tác động của TTHC trong dự án, dự thảo VBQPPL"

Một số bộ, cơ quan chưa hoàn thành kế hoạch được giao trong việc xây dựng VBQPPL theo đúng tiến độ; chưa xử lý dứt điểm văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiến nghị.

Chỉ số thành phần

"Cải cách thể chế" các Bộ năm 2023

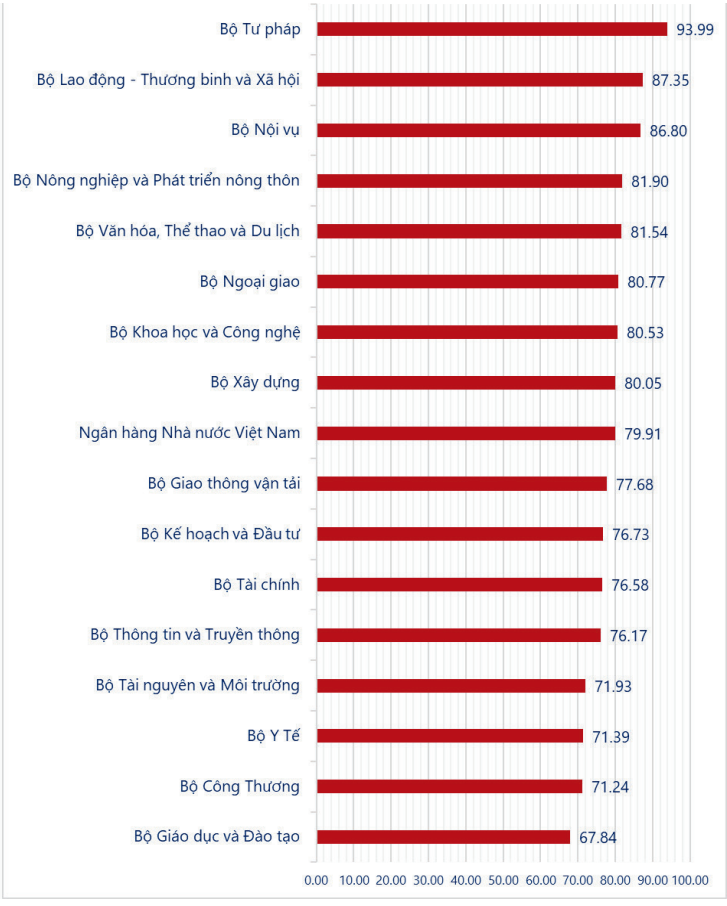

3 Cải cách Thủ tục hành chính

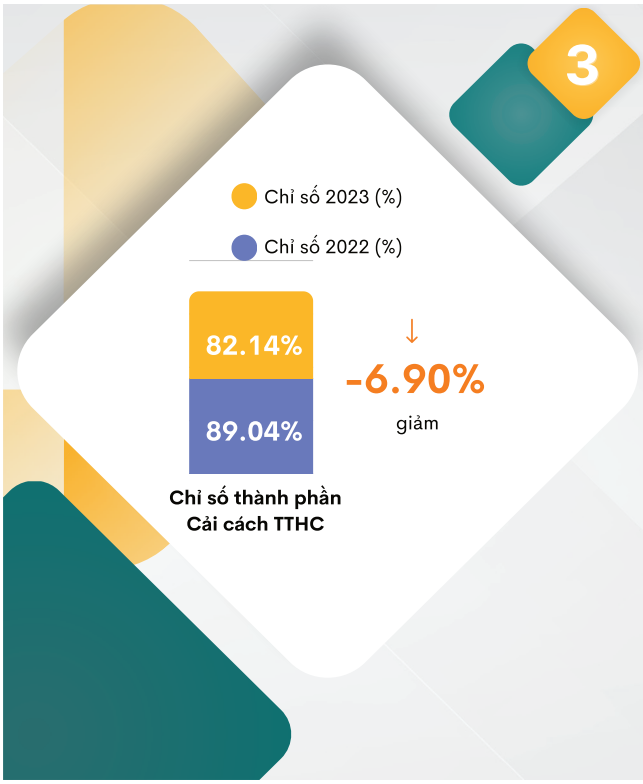

6/17 Bộ đạt Chỉ số thành phần dưới 70%

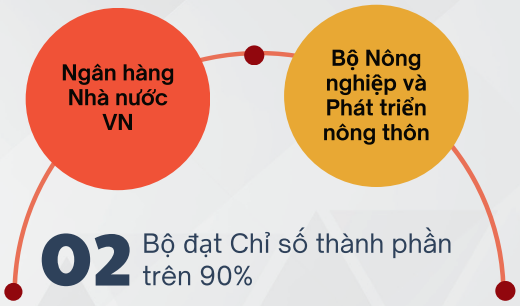

02 Bộ đạt Chỉ số thành phần trên 90%

Chỉ số thành phần

"Cải cách thủ tục hành chính" các Bộ năm 2023

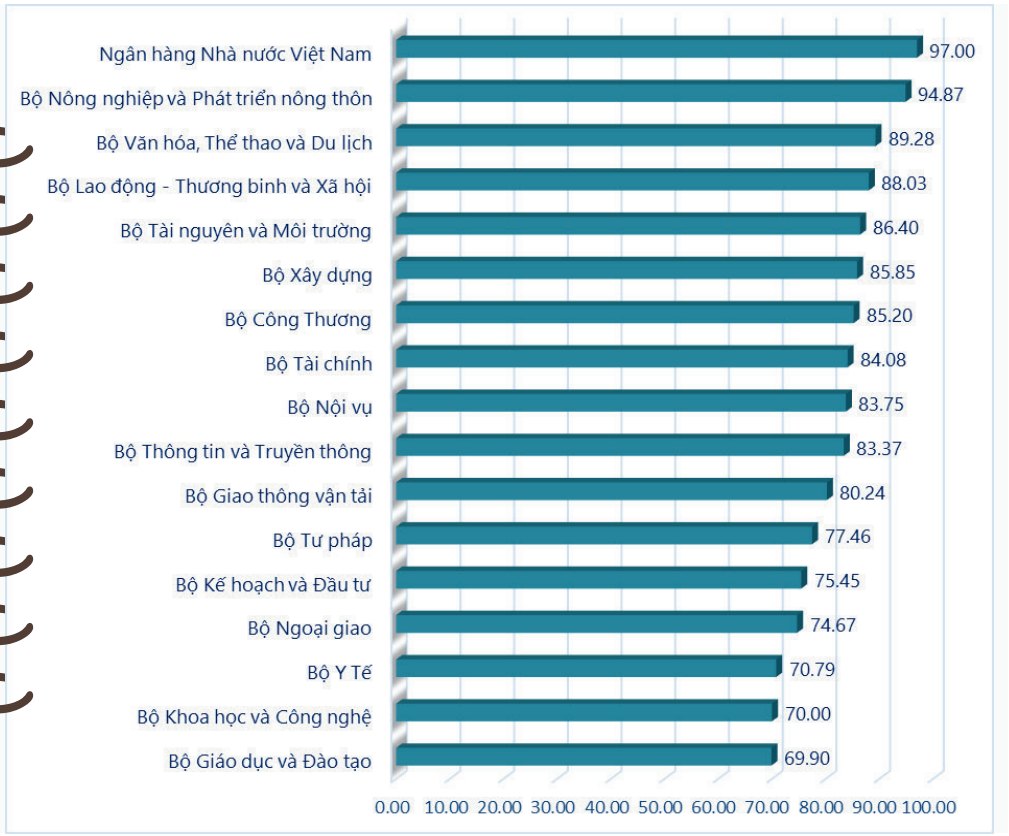

4 Cải cách tổ chức bộ máy

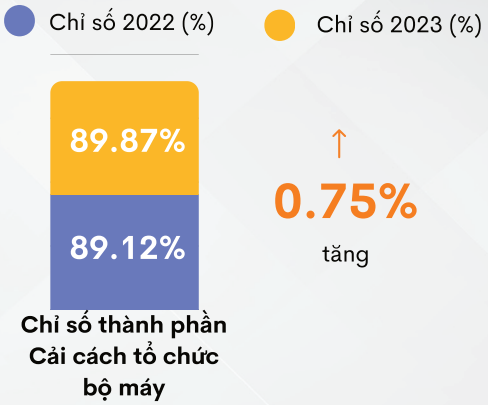

↑ **0.75%** tăng

11/17 Bộ đạt Chỉ số thành phần trên 90%

Tiêu chí "Thực hiện quy định về sử dụng biên chế được cấp có thẩm quyền giao" **100%**

Tiêu chí "Thực hiện phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước" **89.92%**

Chỉ số thành phần "Cải cách tổ chức bộ máy" các Bộ năm 2023

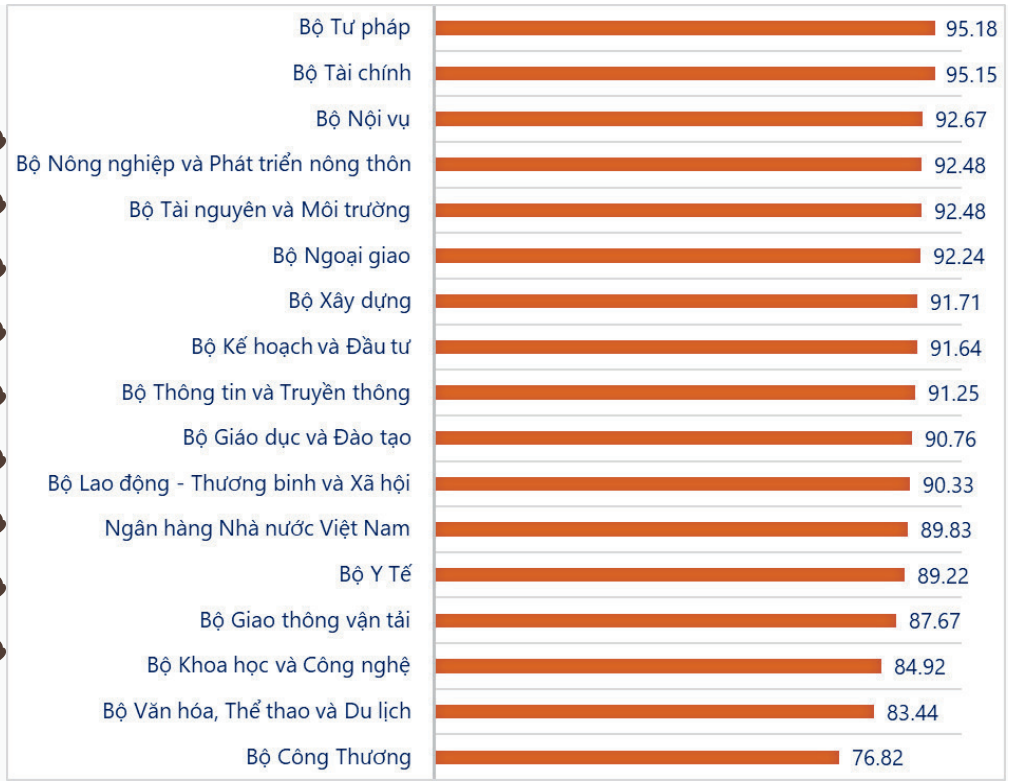

5 Cải cách chế độ công vụ

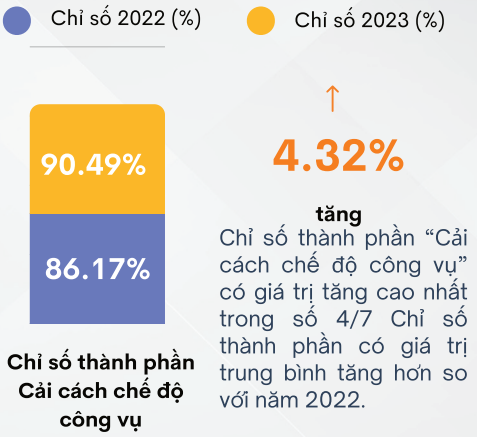

Chỉ số thành phần Cải cách chế độ công vụ

↑ **4.32%**

tăng

Chỉ số thành phần "Cải cách chế độ công vụ" có giá trị tăng cao nhất trong số 4/7 Chỉ số thành phần có giá trị trung bình tăng hơn so với năm 2022.

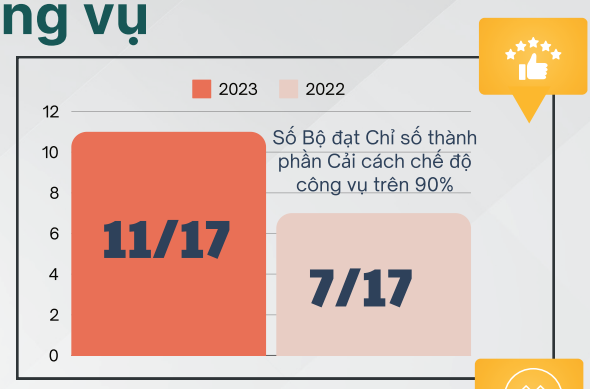

10/17

Bộ, cơ quan không đạt tỷ lệ điểm số tối đa tại tiêu chí "Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức"

Chỉ số thành phần "Cải cách chế độ công vụ" các Bộ năm 2023

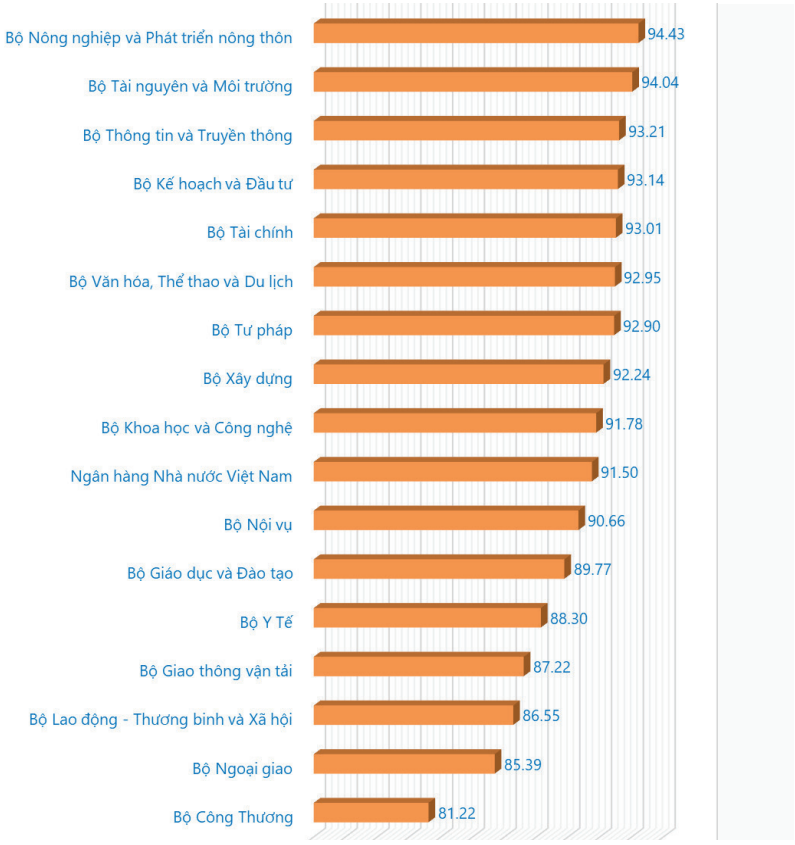

6 Cải cách tài chính công

12/17
Bộ không đạt điểm số tại tiêu chí thành phần "Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước"

01/17
Bộ không đạt điểm số tại tiêu chí thành phần "Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ NSNN" (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

0 2 4 6 8 10 12

5/17
Bộ đạt Chỉ số thành phần dưới 70% (Bộ Kế hoạch và Đầu tư có Chỉ số thành phần thấp nhất với giá trị 60.66%)

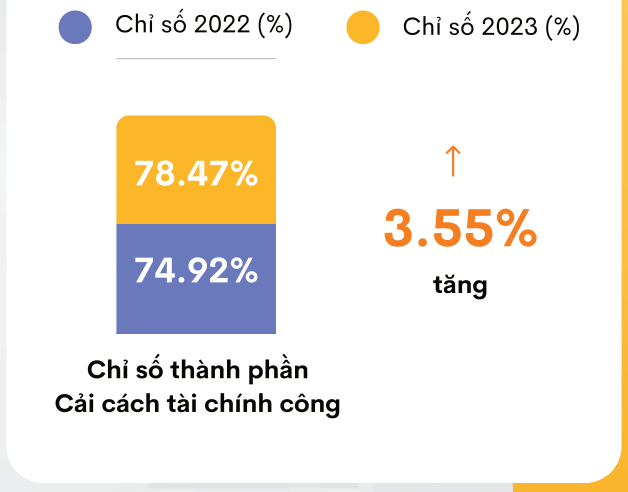

Chỉ số thành phần "Cải cách tài chính công" các Bộ năm 2023

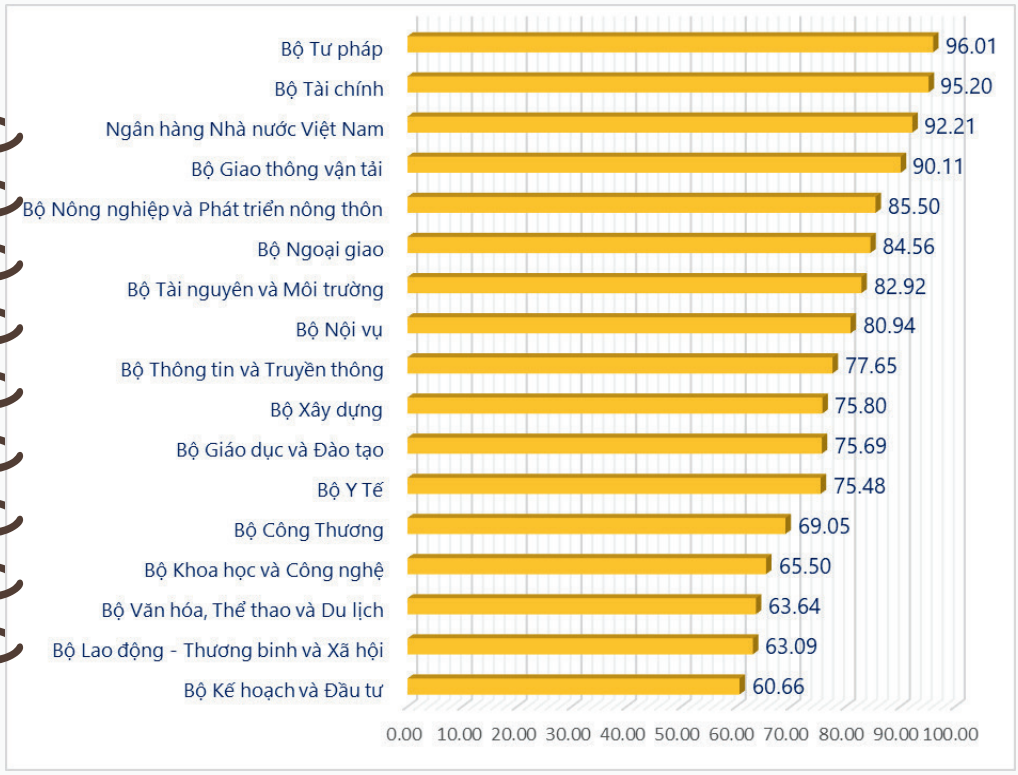

7 Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số

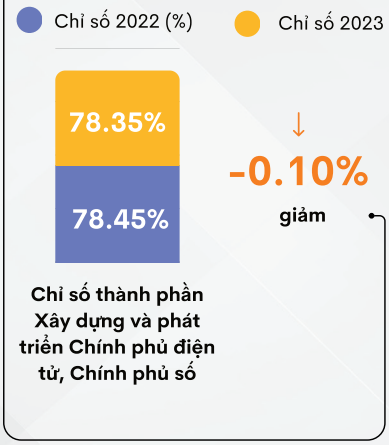

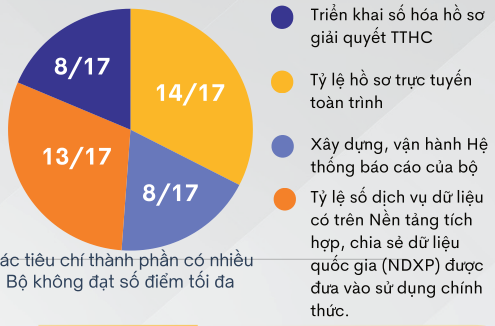

Các tiêu chí thành phần có nhiều Bộ không đạt số điểm tối đa

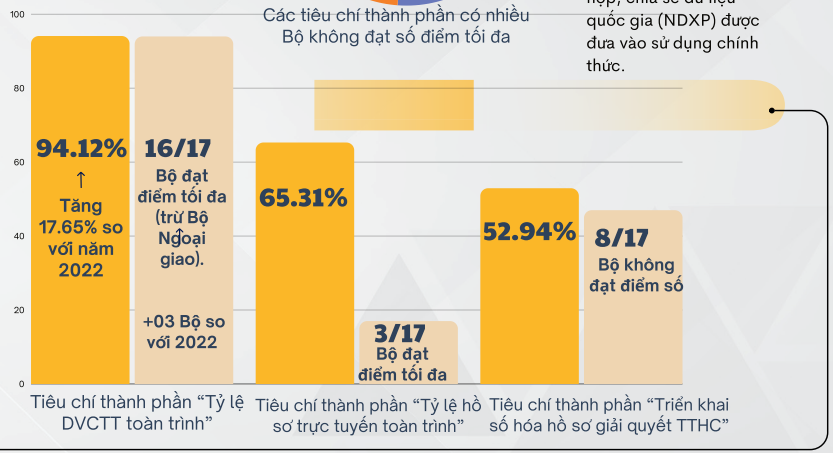

Chỉ số thành phần "Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số" các Bộ năm 2023

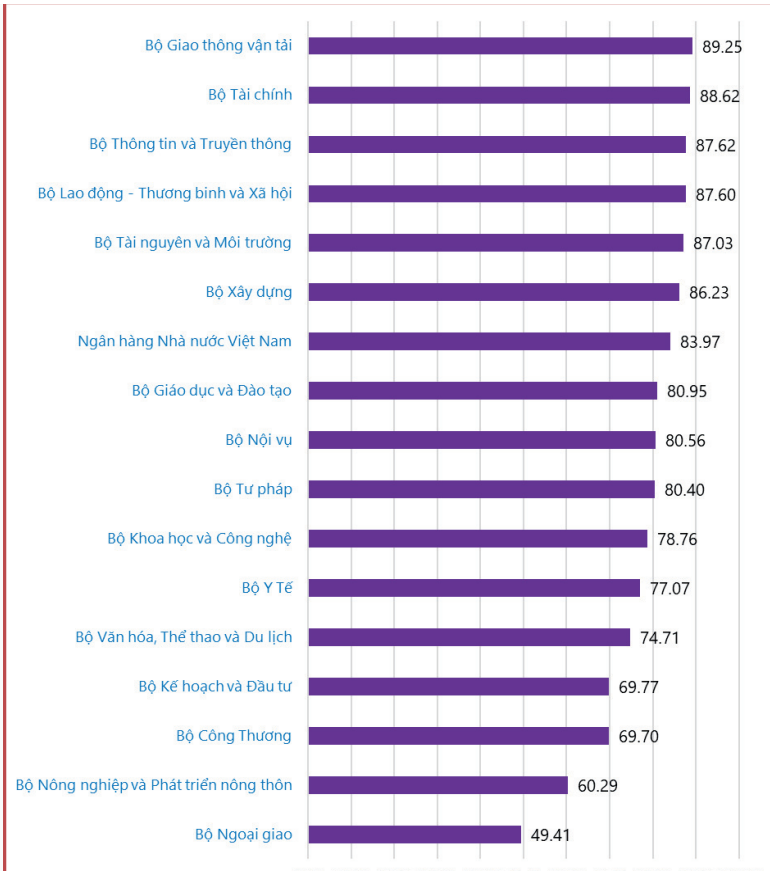

2023 | PAR INDEX

KẾT QUẢ CHỈ SỐ CCHC CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ

Kết quả, xếp hạng

PAR INDEX 2023
các tỉnh, thành phố

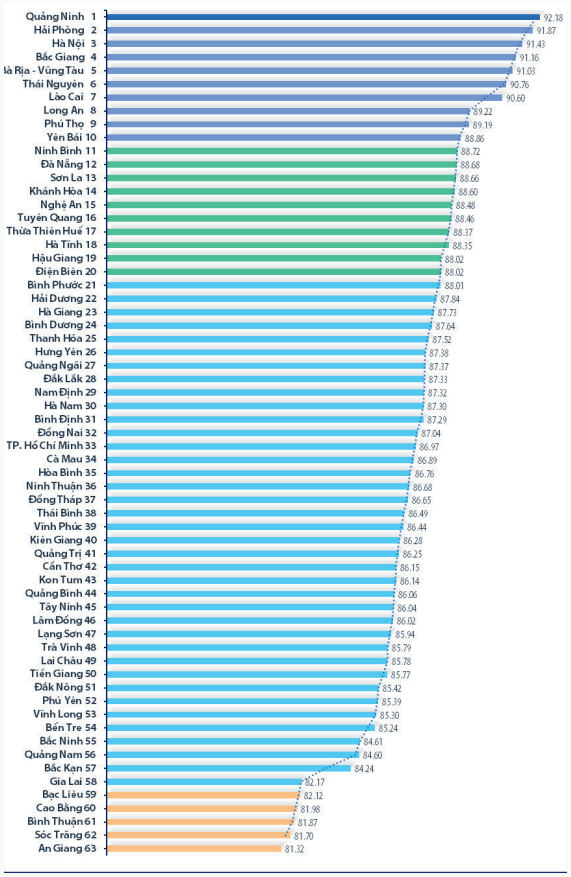

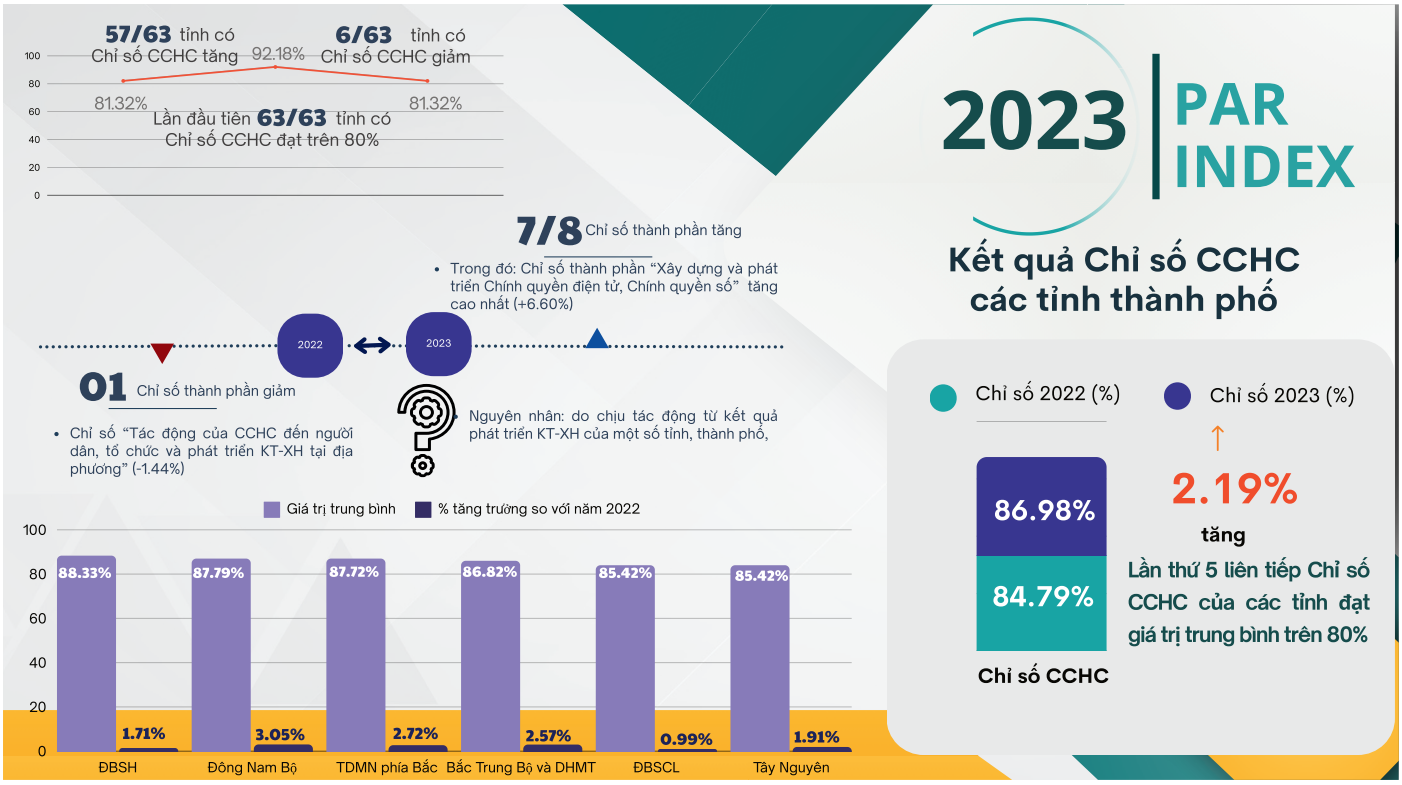

2023 PAR INDEX

Kết quả Chỉ số CCHC các tỉnh thành phố

Chỉ số 2022 (%)

Chỉ số 2023 (%)

86.98%

84.79%

Chỉ số CCHC

↑ 2.19%

tăng

Lần thứ 5 liên tiếp Chỉ số CCHC của các tỉnh đạt giá trị trung bình trên 80%

Bản đồ xếp hạng

PAR INDEX 2023
các tỉnh, thành phố

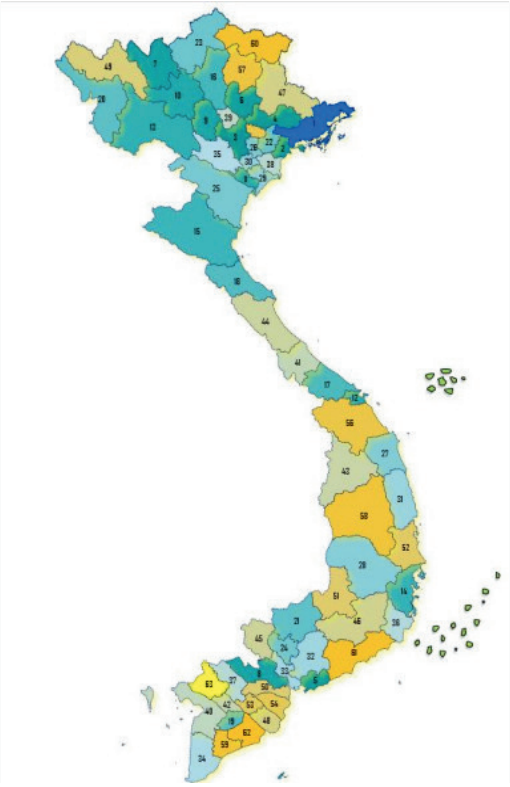

Xếp hạng
PAR INDEX 2023

Vùng trung du
miền núi phía Bắc

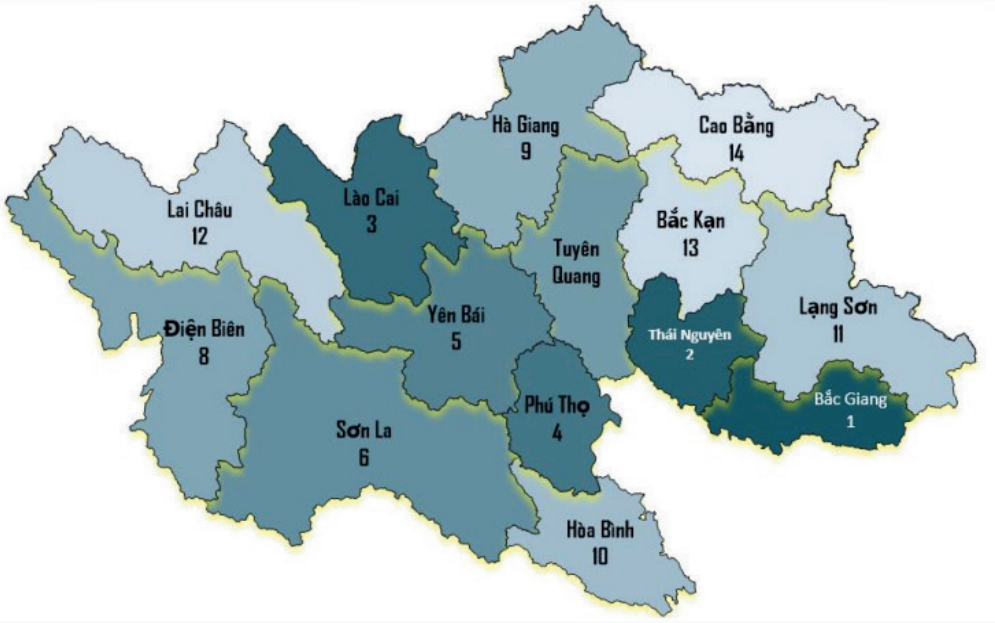

Xếp hạng
PAR INDEX 2023

Vùng đồng bằng
sông Hồng

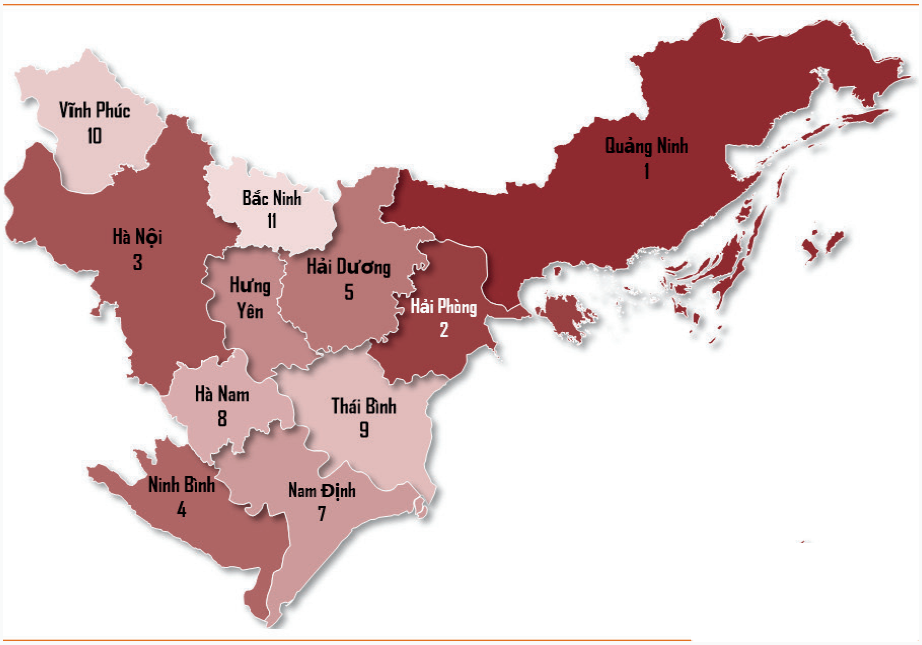

Xếp hạng
PAR INDEX 2023

Vùng Tây Nguyên

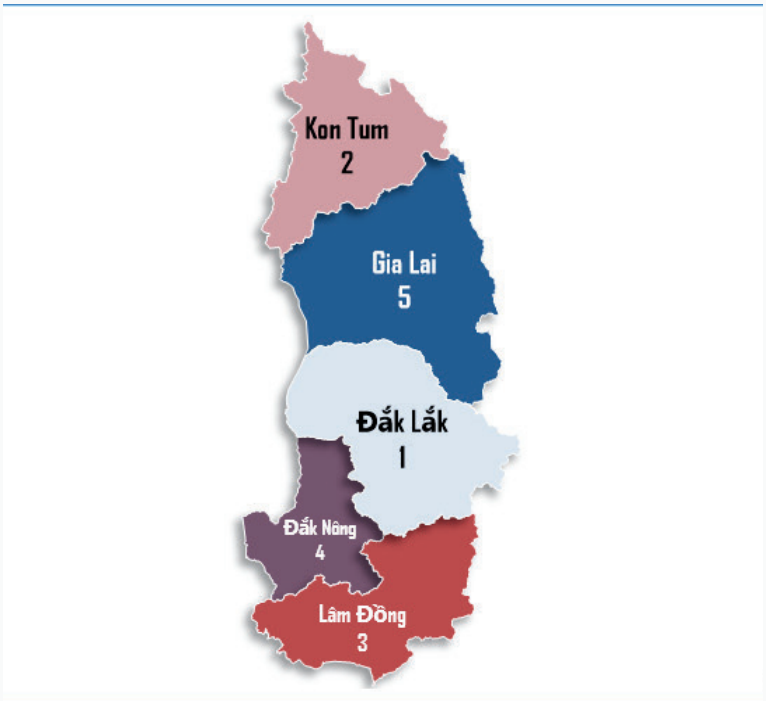

Xếp hạng
PAR INDEX 2023

Vùng Bắc Trung Bộ và
duyên hải miền Trung

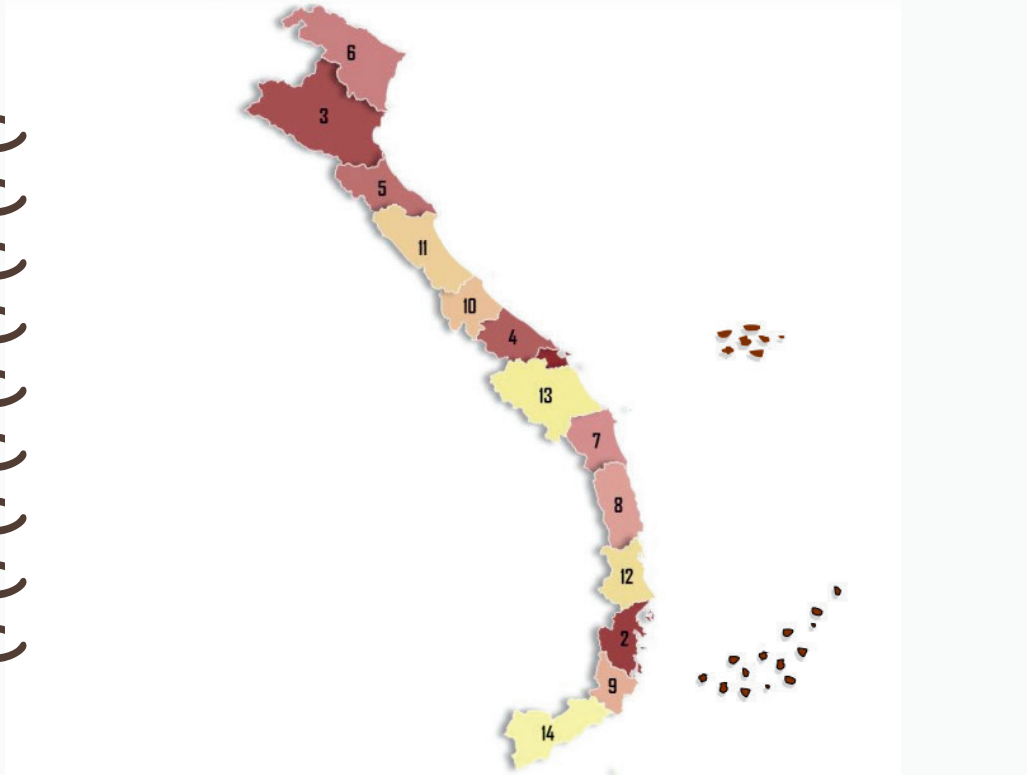

Xếp hạng
PAR INDEX 2023

Vùng Đông Nam Bộ

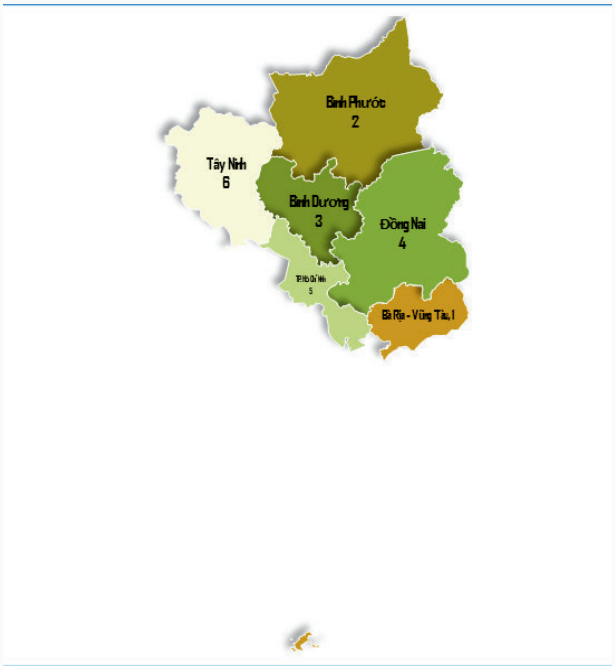

Xếp hạng
PAR INDEX 2023

Vùng đồng bằng
sông Cửu Long

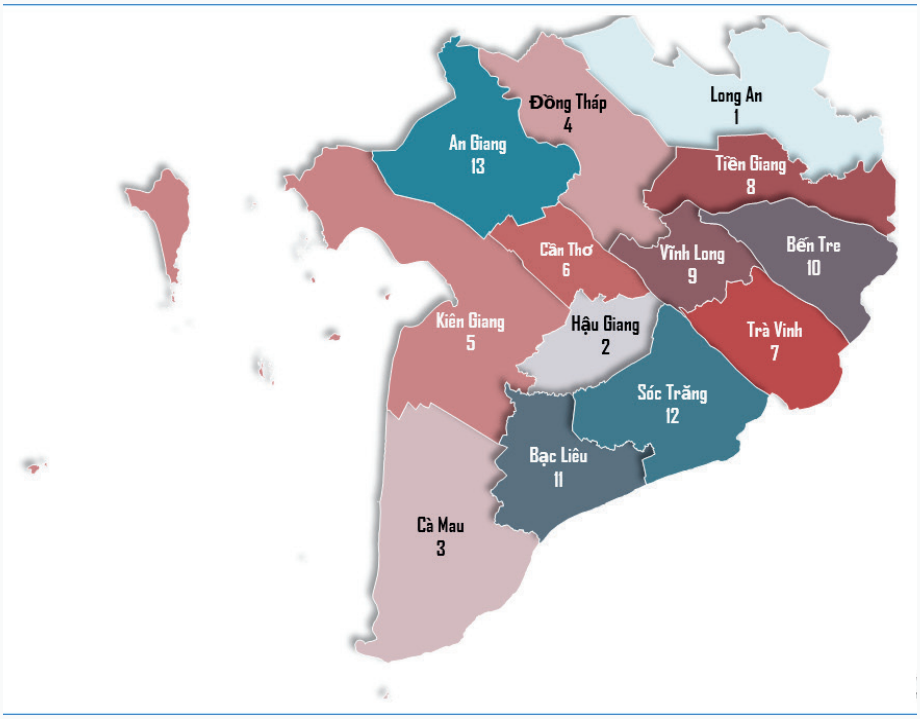

1 Công tác chỉ đạo điều hành

Giải quyết **2.688/3.375** vấn đề

39/63 Tỉnh hoàn thành việc xử lý đối với 100% vấn đề

39/63 tỉnh có chỉ số tăng

Điện Biên tăng cao nhất (+25.37%)

22/63 tỉnh có chỉ số giảm

An Giang giảm nhiều nhất (-16.08%)

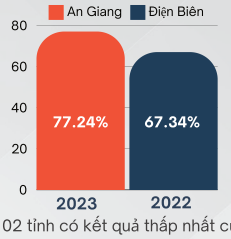

02 tỉnh có kết quả thấp nhất của năm 2022 và 2023

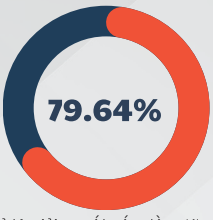

Tỷ lệ giải quyết vấn đề vướng mắc, bất cập qua kiểm tra

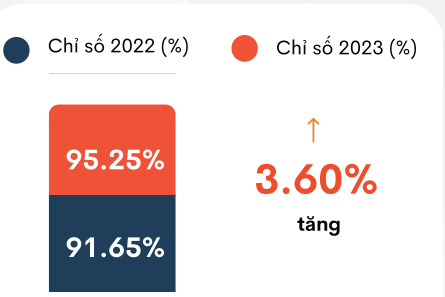

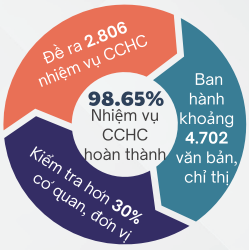

Trong đó:**41/63** Hoàn thành 100%; còn lại mức độ hoàn thành nhiệm vụ đạt trên 93%.

63/63 Tỉnh đã kiện toàn Ban Chỉ đạo CCHC với Trưởng ban là Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

45/63 Tỉnh có ít nhất từ 03 mô hình sáng kiến hoặc giải pháp mới .

57/63 Tỉnh tổ chức ít nhất từ 02 - 03 cuộc tiếp xúc, đối thoại chính sách với người dân, doanh nghiệp.

Chỉ số thành phần

"Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC" các tỉnh, thành phố năm 2023

Xếp hạng	Địa phương	Điểm đạt được (Tối đa 9.5 điểm)	Chỉ số (%)
1	Hậu Giang	9.50	100.00
1	Hòa Bình	9.50	100.00
1	Ninh Bình	9.50	100.00
1	Quảng Ninh	9.50	100.00
1	Thanh Hóa	9.50	100.00
6	Đồng Tháp	9.50	99.97
7	Nghệ An	9.50	99.96
8	Hưng Yên	9.48	99.74
9	Cần Thơ	9.47	99.70
10	Ninh Thuận	9.47	99.70
11	Đắk Lắk	9.46	99.53
12	Đắk Nông	9.45	99.44
13	Long An	9.44	99.41
14	Vĩnh Long	9.44	99.40
15	Quảng Nam	9.44	99.39
16	Quảng Bình	9.44	99.39
17	Cà Mau	9.44	99.38
18	Hà Nội	9.44	99.33
19	Lai Châu	9.44	99.32
20	Bến Tre	9.43	99.30
21	Cao Bằng	9.43	99.26
22	Quảng Ngãi	9.43	99.24
23	Sơn La	9.43	99.23
24	Trà Vinh	9.40	98.90
25	Gia Lai	9.39	98.87
26	Lào Cai	9.39	98.84
27	TP. Hồ Chí Minh	9.32	98.07
28	Thái Bình	9.29	97.79
29	Bình Phước	9.28	97.71
30	Đà Nẵng	9.26	97.52
31	Bắc Ninh	9.25	97.37
32	Bình Định	9.23	97.18
33	Hà Tĩnh	9.18	96.62

Xếp hạng	Địa phương	Điểm đạt được (Tối đa 9.5 điểm)	Chỉ số (%)
34	Bắc Giang	9.17	96.57
35	Tây Ninh	9.16	96.47
36	Đồng Nai	9.07	95.51
37	Nam Định	9.05	95.21
38	Thừa Thiên Huế	9.04	95.17
39	Sóc Trăng	9.03	95.01
40	Khánh Hòa	9.02	94.98
41	Lâm Đồng	9.00	94.75
42	Yên Bái	8.99	94.63
43	Lạng Sơn	8.99	94.61
44	Tuyên Quang	8.94	94.13
45	Phú Thọ	8.89	93.58
46	Bắc Kạn	8.87	93.41
47	Tiền Giang	8.84	93.03
48	Vĩnh Phúc	8.82	92.81
49	Điện Biên	8.81	92.71
50	Bình Dương	8.66	91.19
51	Kiên Giang	8.66	91.11
52	Kon Tum	8.62	90.71
53	Phú Yên	8.62	90.71
54	Hà Nam	8.57	90.19
55	Thái Nguyên	8.50	89.47
56	Quảng Trị	8.42	88.67
57	Hải Phòng	8.31	87.51
58	Bạc Liêu	8.26	86.94
59	Bà Rịa - Vũng Tàu	8.22	86.56
60	Bình Thuận	7.98	84.01
61	Hà Giang	7.83	82.45
62	Hải Dương	7.80	82.11
63	An Giang	7.34	77.24
	Trung bình	**9.05**	**95.25**

2 Cải cách thể chế

Chỉ số 2022 (%) Chỉ số 2023 (%)

93.21%
90.76%

Chỉ số thành phần Cải cách thể chế

↑ 2.45%

tăng

Chỉ số thành phần "Cải cách thể chế" năm 2023 có giá trị cao nhất trong các năm, là năm thứ 2 liên tiếp đạt trên 90%.

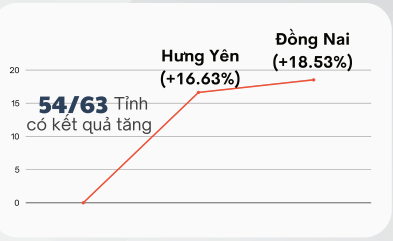

So sánh vùng kinh tế - xã hội

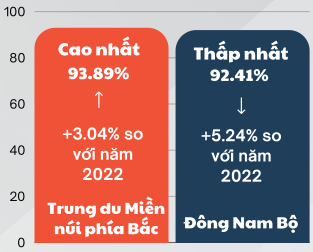

Tiêu chí "Tính kịp thời xử lý vướng mắc trong tổ chức thực hiện VBQPPL" có kết quả cao nhất.

90.74% ↑ 1.72% so với năm 2022

Tiêu chí "Tính khả thi của các VBQPPL" có kết quả thấp nh

81.06% ↑ 4.33% so với năm 2022

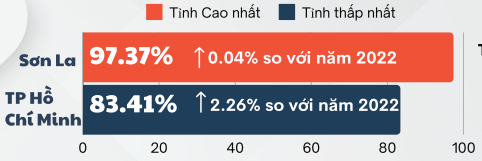

Số VBQPPL hoàn thành xử lý sau kiểm tra, rà soát: 2.607/2.616

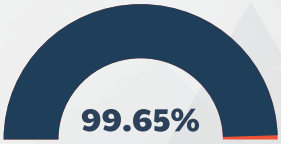

Tỷ lệ xử lý văn bản sau kiểm tra, rà soát

59/63 Tỉnh đạt trên 90%

39/63 Tỉnh đạt kết quả cao hơn giá trị trung bình của cả nước

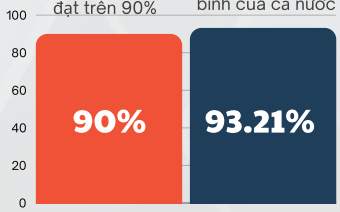

Chỉ số thành phần "Cải cách thể chế" các tỉnh, thành phố năm 2023

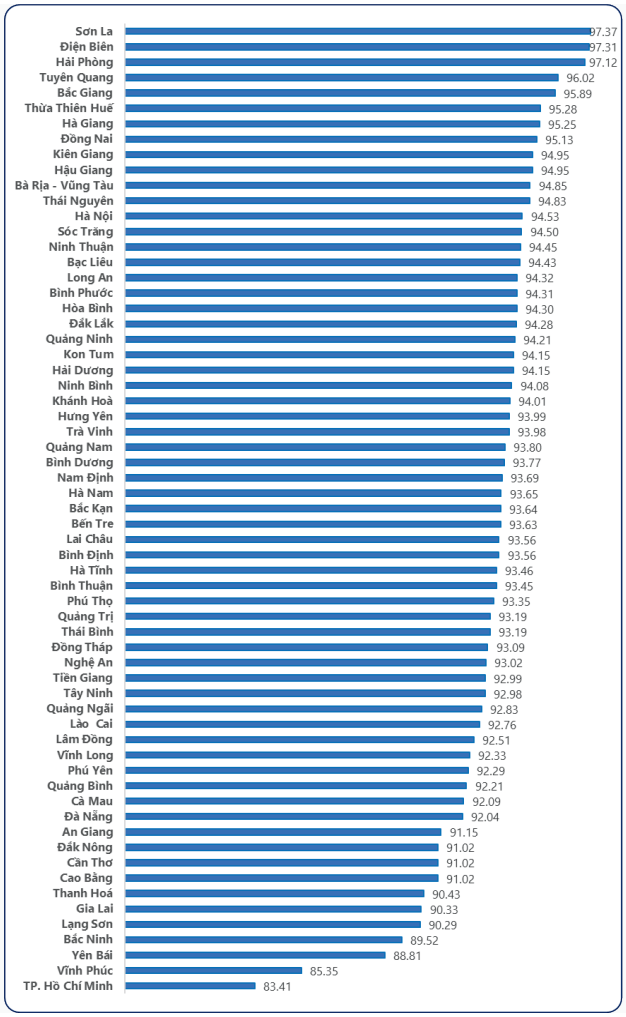

3 Cải cách thủ tục hành chính

02 tỉnh có kết quả cao nhất và thấp nhất

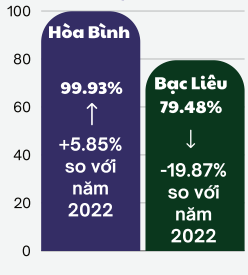

29/63 Tỉnh chưa kịp thời công bố TTHC theo quy định.

53/63 Tỉnh chậm đồng bộ, công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC lên Cổng DVC quốc gia. Điển hình:

- Sơn La
- Điện Biên
- Tp. TP Hồ Chí Minh
- Bạc Liêu.

62/63 Tỉnh không ban hành TTHC trái quy định.

01 Tỉnh còn tình trạng ban hành quy định TTHC trái thẩm quyền, chưa khắc phục xong.

58/63 Tỉnh thực hiện tốt việc tiếp nhận, xử lý PAKN về quy định TTHC.

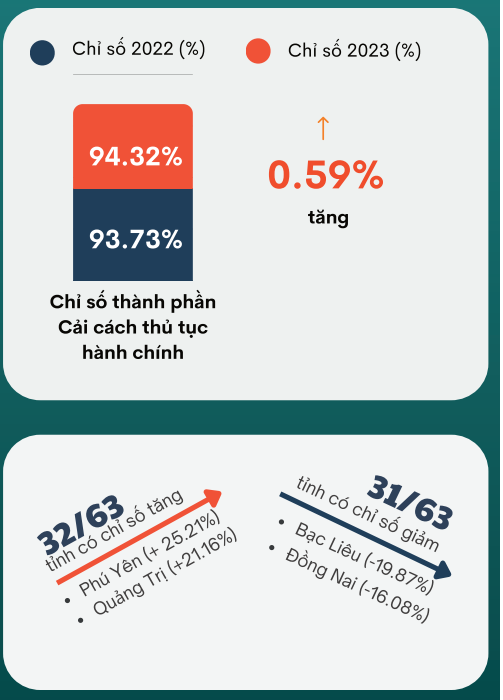

Chỉ số thành phần "Cải cách TTHC" các tỉnh, thành phố năm 2023

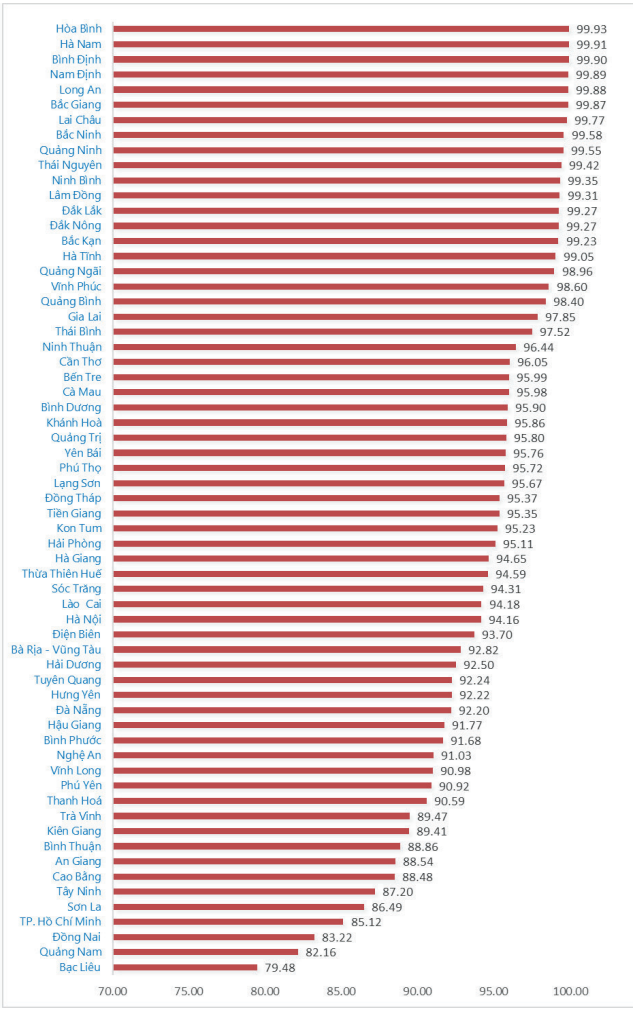

4 Cải cách tổ chức bộ máy

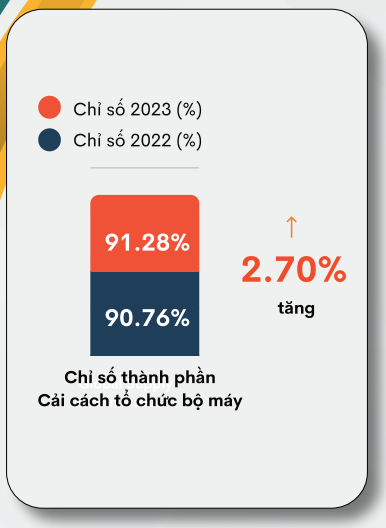

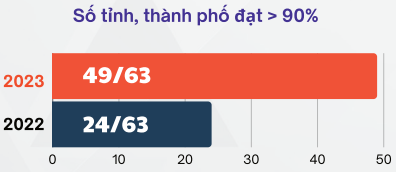

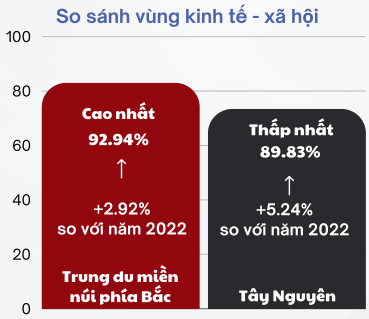

Chỉ số thành phần

"Cải cách tổ chức bộ máy" các tỉnh, thành phố năm 2023

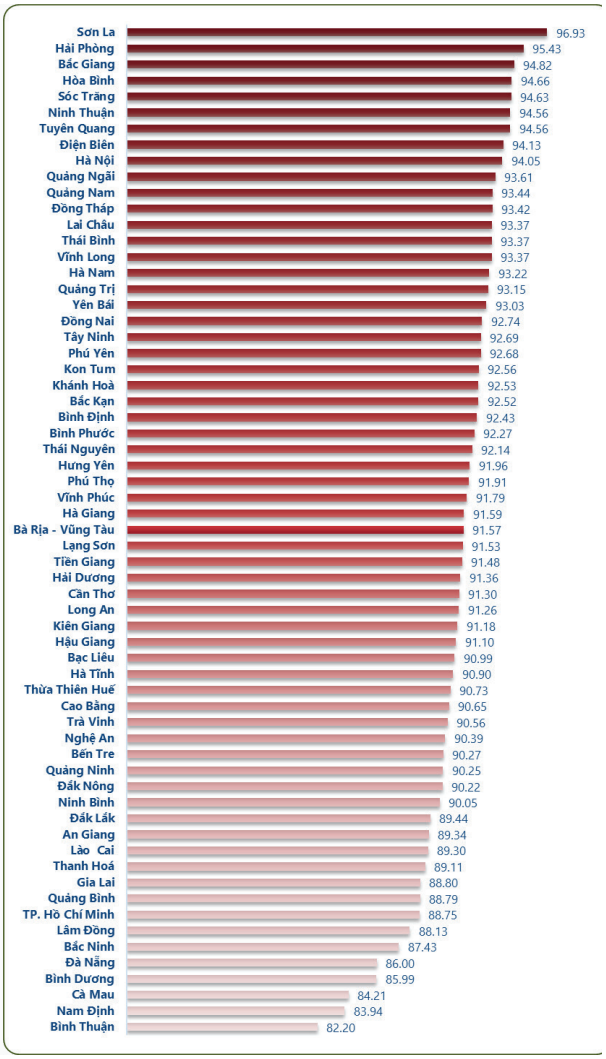

5 Cải cách chế độ công vụ

38/63 tỉnh có chỉ số tăng
- Đồng Tháp (+11.40%)
- Hà Nam (+9.62%)

25/63 tỉnh có chỉ số giảm
- An Giang (-6.75%)
- Hậu Giang (-6.31%)
- Vĩnh Long (-5.96%)

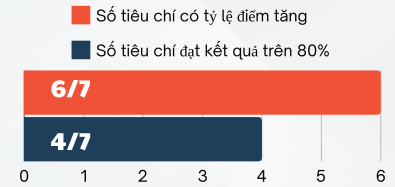

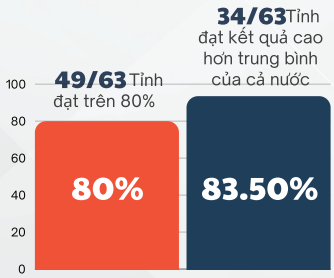

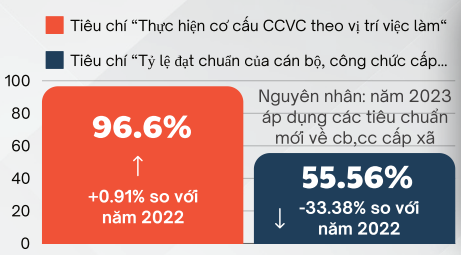

02 tiêu chí có kết quả cao nhất và thấp nhất

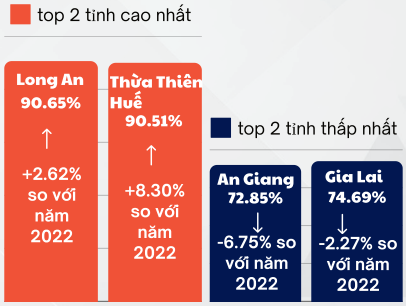

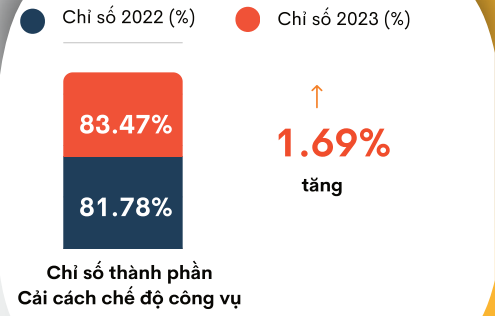

Chỉ số thành phần "Cải cách chế độ công vụ" các tỉnh, thành phố năm 2023

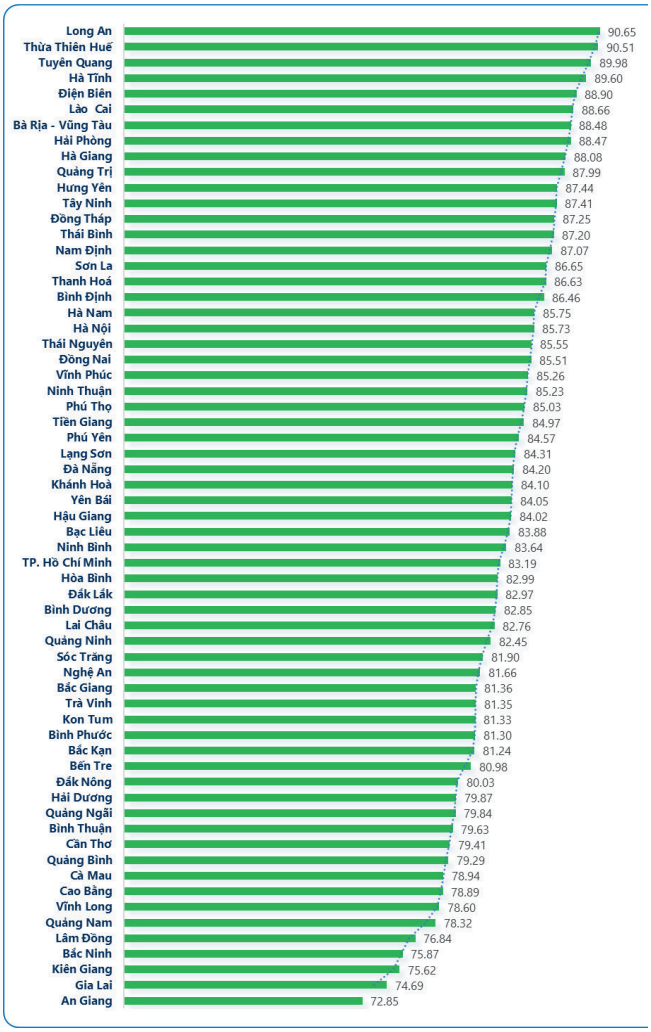

6 Cải cách tài chính công

41/63 tỉnh có chỉ số tăng
- Trà Vinh (+15.42%)
- Kiên Giang (+15.31%)

22/63 tỉnh có chỉ số giảm
- An Giang (-11.67%)
- Hưng Yên (-11.48%)

Còn sai phạm trong quản lý, sử dụng kinh phí nguồn từ Ngân sách nhà nước

Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công chưa đáp ứng yêu cầu.

Nguyên nhân sự sụt giảm

Mức độ tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập tại địa phương chưa đáp ứng yêu cầu

top 2 tỉnh cao nhất

Hải Phòng 96.21% ↑ +3.30% so với năm 2022

Bà Rịa - Vũng Tàu 93.83% ↑ +10 bậc so với năm 2022

top 2 tỉnh thấp nhất

Sóc Trăng 64.76% ↓ -3.76% so với năm 2022

Gia Lai 67.19% ↑ +2.37% so với năm 2022

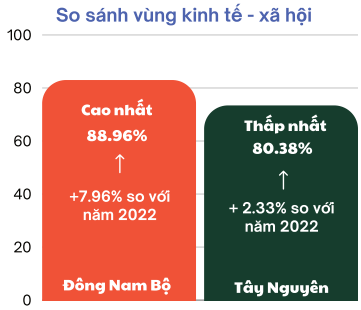

Chỉ số 2022 (%) — Chỉ số 2023 (%)

84.80%

81.79%

↑ **2.60%** tăng

Chỉ số thành phần Cải cách tài chính công

Năm đầu tiên có tới **14/63** địa phương đạt kết quả trên 90%

Chỉ số thành phần "Cải cách tài chính công" các tỉnh, thành phố năm 2023

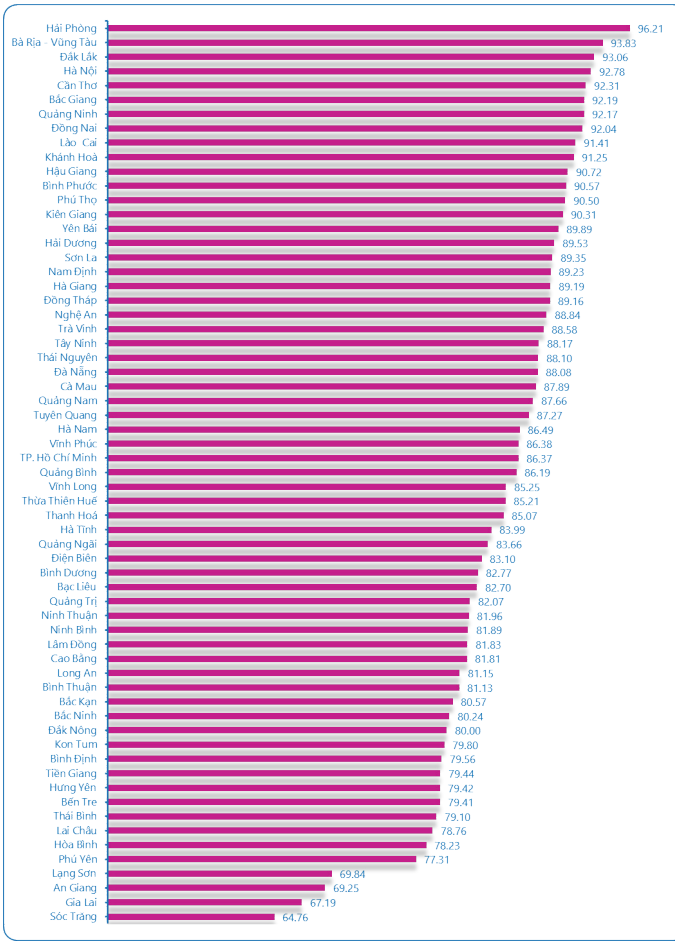

7 Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

Chỉ số 2022 (%) — Chỉ số 2023 (%)

83.25%

76.65%

↑ 6.60% tăng

Chỉ số thành phần "Xây dựng và phát triển CQĐT, CQS"

Bắc Giang (lần thứ 4 liên tiếp đứng đầu BXH) 91.99%
↑ +2.10% so với năm 2022

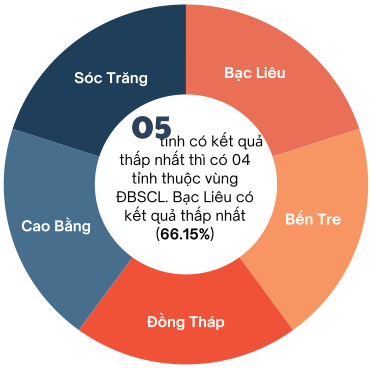

05 tỉnh có kết quả thấp nhất thì có 04 tỉnh thuộc vùng ĐBSCL. Bạc Liêu có kết quả thấp nhất (**66.15%**)

56/63 tỉnh có chỉ số tăng
15 tỉnh đạt mức tăng trên 10%
- Phú Yên (+19.92%)

7/63 tỉnh có chỉ số giảm
- Vĩnh Phúc (-3.22%)

TỶ LỆ HỒ SƠ TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH

29/63 Tỉnh có tỷ lệ đạt từ 80% trở lên

19/63 Tỉnh có tỷ lệ điểm dưới 60%

MỨC ĐỘ THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

15/63 Tỉnh đạt tỷ lệ điểm từ 80% trở lên

30/63 Tỉnh đạt tỷ lệ điểm dưới 60%

Chỉ số thành phần

"Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số" các tỉnh, thành phố năm 2023

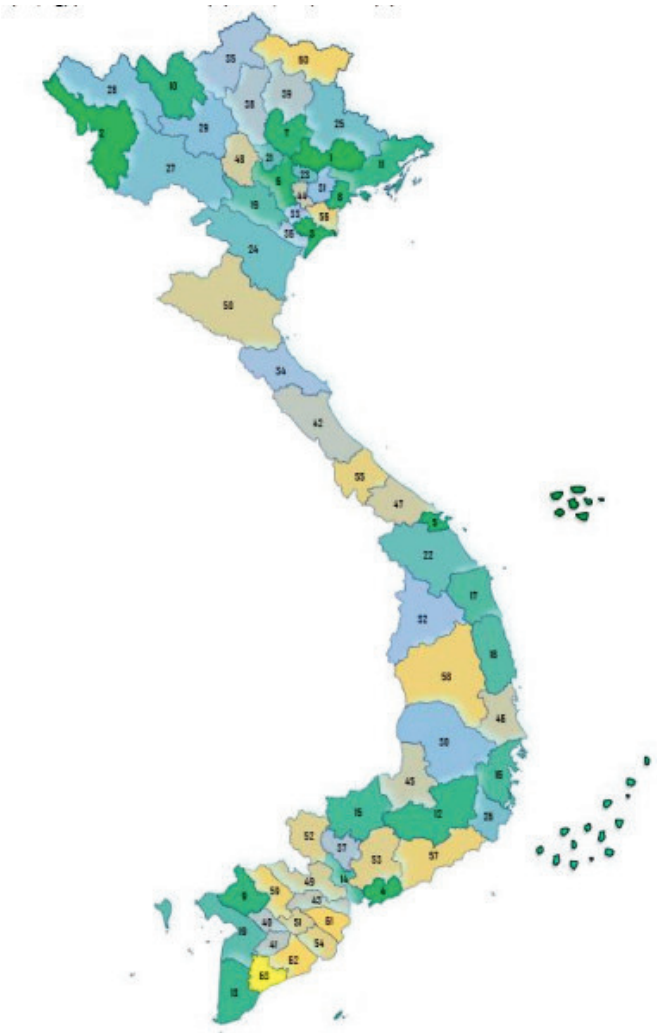

8 Tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và phát triển KT-XH

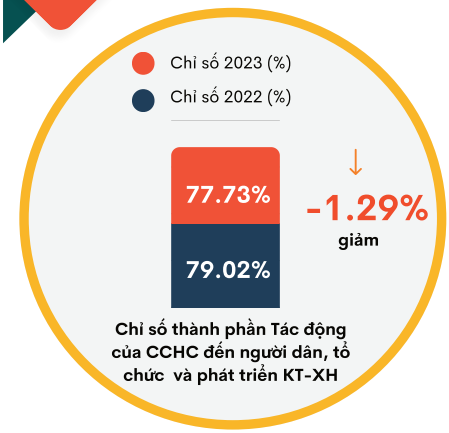

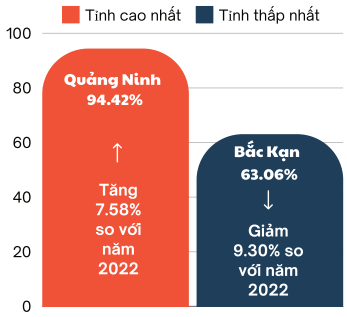

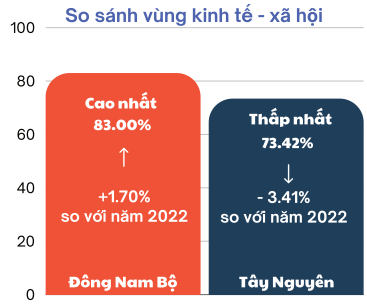

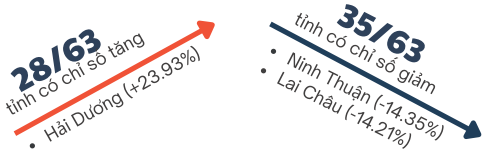

So sánh đánh giá sự hài lòng về dịch vụ hành chính công

49/63 Địa phương đạt tỷ lệ điểm đánh giá sự hài lòng trên 80%

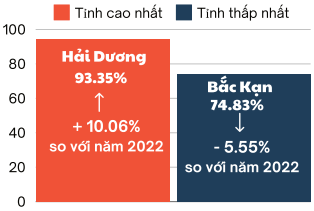

5/5 Yếu tố đánh giá đều có tỷ lệ điểm tăng.

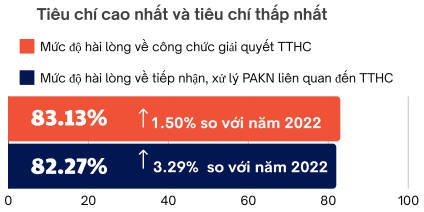

Chỉ số thành phần

"Tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và phát triển KT-XH" các tỉnh, thành phố năm 2023

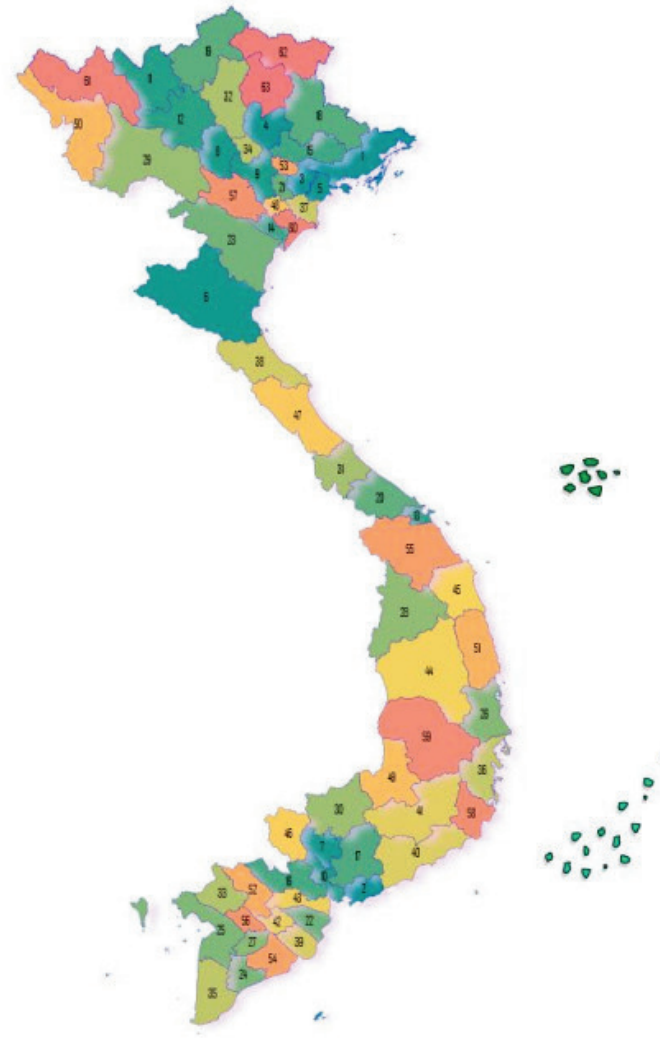

PAR INDEX 2023